

**CÔNG TY TNHH HDCCONS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HDCCONS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400984721

**3. Ngày thành lập:** 21/02/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thanh Lương, Xã Quang Thịnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0983136226

Fax:

Email: quangk55.nuce@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                          | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                            | 4390        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                         | 4620        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: kinh doanh đồ điện, nước.                                                                                                                                                                                                                      | 4649        |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                            | 4662        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn bình chữa cháy; Bán buôn thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động; Bán buôn thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; Bán buôn xe chữa cháy. Bán buôn mực bơm. Nạp bình cứu hỏa                                                 | 4669        |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                            | 7110(Chính) |
| 11. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn về công nghệ PCCC;Huấn luyện, hướng dẫn nghiệp vụ về PCCC                                                                                                                                          | 7490        |
| 12. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                   | 2592        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công khung nhôm cửa kính                                                         | 2599 |
| 14. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 17. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 18. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 19. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 20. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 21. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 22. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 23. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 24. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 26. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 28. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 29. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 30. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị phòng cháy chữa cháy                                                              | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: PHẠM VĂN QUANG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/04/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024092007043

Ngày cấp: 12/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TDP Vạc, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: TDP Vạc, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM VĂN QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh:

Sinh ngày: 17/04/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024092007043

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TDP Vạc, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: TDP Vạc, Thị Trấn Kép, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang